

Số: 51/2022/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 27 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 115/2022/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khóm IV, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khóm IV, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn G tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 28/4/2009 đang sống chung với anh G (có nguyện vọng sống chung với anh G), Nguyễn Hữu T1 sinh ngày 13/7/2017 đang sống chung với chị T.

Chị T và anh G thoả thuận quyền nuôi con như sau:

+ Chị T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hữu T1 sinh ngày 13/7/2017.

+ Anh G được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 28/4/2009.

Chị T và anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị và anh G không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung vợ chồng: Tòa án đã giải thích Điều 59, Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng chị T và anh G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung vợ chồng: Chị T và anh G không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013167 ngày 24/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị T được trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Cầu Ngang;
- UBND thị trấn M, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tranh